

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 22/4/2019
V/v tranh chấp về
hôn nhân và gia đình - Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thời.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Vững.
2. Ông Trần Quốc Tỷ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Lê Duy Khánh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 3 và ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án Huyện mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 01 năm 2019, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST – HNGĐ, ngày 03 tháng 3 năm 2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 18/QĐST – HNGĐ, ngày 22/3/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hồ Thị N, sinh năm 1978;

- Bị đơn: Nguyễn Văn C, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã Hưng Thạnh, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2018, chị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh C lấy nhau vào năm 2000, nhưng không có đăng ký kết hôn. Lúc đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng gần đây anh chị

thường xuyên cãi nhau về chuyện tình cảm, mâu thuẫn nhau từ những chuyện rất nhỏ, anh C thường xuyên đánh đập chị. Anh, chị đã cố gắng hàn gắn nhưng không được, anh chị không còn tình cảm yêu thương nhau như trước. Vì đã cho nhau nhiều cơ hội suy nghĩ lại cuộc sống hôn nhân. Nhưng chị thấy hạnh phúc hôn nhân không còn nữa, tình cảm vợ chồng không còn nếu kéo được nữa. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 28/7/2006 hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được nuôi con, chị không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Tài liệu, chứng cứ mà chị Ng nộp cho Tòa án bao gồm:

- *Bản photo: Chứng minh nhân dân của chị N, 01 sổ hộ khẩu, 01 giấy khai sinh Nguyễn Thị Minh T.*

- ***Theo Tờ tự khai ngày 12/02/2019, anh Nguyễn Văn C trình bày:***

Về hôn nhân: Anh và chị N lấy nhau vào năm 2001, nhưng chưa đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau mười mấy năm, hạnh phúc cũng có, mâu thuẫn cũng có. Mâu thuẫn chủ yếu của vợ chồng là chuyện tình cảm nhưng vợ chồng nào cũng có như vậy. Nhiều lần anh khuyên vợ vì con cái nên hàn gắn và cho nhau cơ hội suy nghĩ nhưng vợ làm đơn yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, anh còn muốn vợ chồng cho nhau cơ hội suy nghĩ lại.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 28/7/2006, hiện tại con đang sống với chị N, anh đồng ý giao cháu Minh T tiếp tục sống với mẹ, anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Tài liệu, chứng cứ mà anh C nộp cho Tòa án bao gồm:

- *01 Tờ tự khai ngày 12/02/2019 (bản chính) .*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án, tuân thủ và tiến hành thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa

chị Hồ Thị N và anh Nguyễn Văn C. Công nhận sự thỏa thuận của chị N và anh C giao cho chị N nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Minh T, anh C không phải cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị N nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh C; Về con chung chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 28/7/2006, chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng; Về tài sản chung tự thỏa thuận; Về nợ chung không có; Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ kiện thuộc thẩm quyền của giải quyết của Tòa án huyện Tháp Mười.

[2] Về nội dung:

Xét hôn nhân giữa chị N và anh C: Tại phiên tòa ngày 27/02/ 2019, chị N và anh C cho rằng có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Thạnh, nhưng giấy chứng nhận kết hôn bị thất lạc.

Theo Công văn số 226/UBND, ngày 03/3/2019 của Ủy ban nhân dân xã Hưng Thạnh xác định từ năm 2000 đến nay không tìm thấy sổ lưu trường hợp đăng ký kết hôn giữa Hồ Thị N và Nguyễn Văn C.

Tại phiên tòa, chị N và anh C thống nhất văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân xã Hưng Thạnh, thống nhất xác định hôn nhân giữa chị N và anh C không đăng ký kết hôn. Nên hôn nhân giữa chị N và anh C vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình;

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh C; anh C không đồng ý.

Theo khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này....”

Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh C.

- Về nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị N yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 28/7/2006 (cháu T hiện đang sống với chị N). Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Tại phiên tòa, anh C đồng ý giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Theo Tờ tự khai ngày 12/4/2019 của cháu T, nguyện vọng cháu T muốn được sống cùng với chị N.

Xét thấy, chị N và anh C thỏa thuận việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và nguyện vọng của cháu T.

Theo qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận về nuôi con chung; Chị N được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 28/7/2006 (cháu T hiện đang sống với chị N) .

Chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về chia tài sản: Chị N và anh C không yêu cầu, vợ chồng tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

Xét thấy, quan điểm của Viện kiểm sát về nội dung vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị N phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hồ Thị N và anh Nguyễn Văn C.

2. Về nuôi con chung công nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa: Chị N được quyền nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 28/7/2006 (hiện

cháu Thư đang sống cùng chị N). Chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con;

Chị N, anh C có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Sau khi ly hôn anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0004111, ngày 21/12/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Ngoan đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Phần thỏa thuận tại phiên tòa giữa chị N và anh C có hiệu lực pháp luật;

Chị N, anh C được quyền kháng cáo phần quan hệ hôn nhân trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Huyện;
- THADS Huyện;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thời